TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 952/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2023
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Khanh**;

2. Bà **Võ Phương Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Ông **Phạm Hồng Thương Thương** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: số F, Tổ D, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Mai Văn C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: số A, Quốc lộ A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01/3/2023 và bản tự khai ngày 12/4/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Bà và ông Mai Văn C tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2022 ngày 13/6/2022;

Vợ chồng chung sống không hoà hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu về kinh tế gia đình, ông C không quan tâm chăm sóc vợ con; đôi bên đã ly thân từ tháng 9 năm 2023, không còn sống chung với nhau; tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: BàNhung khai vợ chồng có 01 (một) con chung tên Mai Nguyễn Khả H, sinh ngày 23/3/2022; bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Văn C không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông C.

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Mai Văn C. Bị đơn hiện cư trú tại quận B, Thành phố H, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có Đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và bị đơn ông Mai Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông C.

[2] Về nội N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Mai Văn C kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 131/2022 ngày 13/6/2022 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp;

Quá trình chung sống, giữa bà N và ông C có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu về kinh tế gia đình, ông C không quan tâm chăm sóc vợ con; đôi bên đã ly thân từ tháng 9 năm 2023;

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông C, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Mai Nguyễn Khả H, sinh ngày 23/3/2022;

Xét, bà N có yêu cầu được nuôi con chung, trẻ H hiện đang ở với bà N; quá trình giải quyết vụ án ông C không có mặt để cung cấp ý kiến hay lời khai đối với yêu cầu này của bà N vì vậy cần xem xét, chấp nhận cho bà N được trực tiếp nuôi dạy con chung là trẻ H.

Về cấp dưỡng: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có; Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Mai Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2022 ngày 13/6/2022 do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Mai Nguyễn Khả H, sinh ngày 23/3/2022;

Bà N được nuôi con chung tên Mai Nguyễn Khả H, sinh ngày 23/3/2022;

Ông C không phải cấp dưỡng để bà N nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010931 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; bà N đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái